



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ Đầu tư
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 3 năm 2010.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-683



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng giám đốc

Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011



**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP
Ngoại thương Việt Nam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thông tin Công ty

Giấy Chứng nhận 0104000069 ngày 24 tháng 4 năm 2002
Đăng ký Kinh doanh số 0104000069 ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu và điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép Kinh doanh 09/GPHDKD ngày 24 tháng 4 năm 2002
Chứng khoán số 192/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 2 năm 2009

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán lần đầu và điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Hội đồng Thành viên Ông Phạm Quang Dũng Chủ tịch
Bà Hoàng Diễm Thùy Thành viên
Ông Ngô Quang Trung Thành viên

Ban Giám đốc Ông Ngô Quang Trung Giám đốc
Ông Trần Việt Anh Phó Giám đốc
Ông Mai Trung Dũng Phó Giám đốc
Ông Lê Việt Hà Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Xuân Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank
198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Tầng 1, Tòa nhà Green Star
70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng Tầng 2, Tòa nhà Tổng Công ty Du lịch Hà Nội
10 đường Hải Phòng, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Chi nhánh Cần Thơ Tầng trệt, Tòa nhà Bưu điện,
Số 2 Đại lộ Hòa Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Chi nhánh Vũng Tàu Tầng trệt, Tòa nhà Vietcombank
27 Lê Lợi, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.966.774.359	1.669.005.398
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	1.692.864.753	1.075.714.761
Tiền	111		435.864.753	710.714.761
Các khoản tương đương tiền	112		1.257.000.000	365.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	127.181.164	5.768.090
Đầu tư ngắn hạn	121		130.829.797	6.001.063
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.648.633)	(232.973)
III. Các khoản phải thu – ngắn hạn	130		138.305.606	199.255.709
Phải thu từ khách hàng	131	6	18.852.530	50.965.225
Trả trước cho người bán	132		538.269	490.698
Các khoản phải thu khác	138	7	118.914.807	147.799.786
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.422.836	388.266.838
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	3.078.355	2.477.066
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	9	5.294.914	1.818.222
Tài sản ngắn hạn khác	158		49.567	383.971.550
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.169.877	138.604.337
II. Tài sản cố định	220		8.569.440	12.228.099
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.970.925	10.995.533
Nguyên giá	222		35.429.340	32.345.247
Khấu hao lũy kế	223		(27.458.415)	(21.349.714)
Tài sản cố định vô hình	227	11	598.515	1.232.566
Nguyên giá	228		2.173.140	2.173.140
Phân bổ lũy kế	229		(1.574.625)	(940.574)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	82.755.356	111.132.505
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		101.979.427	113.613.578
Đầu tư dài hạn khác	258		13.440.000	13.440.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(32.664.071)	(15.921.073)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.845.081	15.243.733
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.668.152	10.410
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	13	13.835.354	12.180.097
Tài sản dài hạn khác	268	14	3.341.575	3.053.226
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.076.944.236	1.807.609.735

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		1.251.236.126	1.002.361.754
I. Nợ ngắn hạn	310		1.250.767.564	1.001.725.153
Phải trả người bán	312		390.013	555.999
Người mua trả tiền trước	313		568.980	364.980
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.632.288	320.976
Phải trả người lao động	315		15.037.394	6.267.765
Chi phí phải trả	316		972.222	300.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	950.615	1.027.249
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	17	15.150.226	13.918.775
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	2(c)	6.881.408	265.128
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	18	1.208.184.418	978.969.409
II. Nợ dài hạn	330		468.562	371.473
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	468.562	371.473
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		825.708.110	805.247.981
I. Vốn chủ sở hữu (Điều chỉnh lại)	410		825.708.110	805.247.981
Vốn điều lệ	411	20	700.000.000	700.000.000
Vốn khác	413		914.795	914.795
Quỹ đầu tư và phát triển	417		30.762.096	30.762.096
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	417		4.025.936	2.675.110
Quỹ dự phòng tài chính	418		24.094.828	22.744.002
Lợi nhuận chưa phân phối	420		65.910.455	48.151.978
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.076.944.236	1.807.609.735

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
6. Chứng khoán lưu ký	006		
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	5.837.206.960	4.523.904.390
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.059.480	49.546.670
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	4.584.939.750	3.416.557.910
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.247.207.730	1.057.799.810
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	689.889.050	390.948.890
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	689.889.050	375.153.860
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	15.795.030
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	36.162.170	61.666.960
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		34.563.720	2.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	1.598.450	61.182.200
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	482.760
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	68.642.500	52.251.870
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	15.440	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	101.029.770	51.653.970
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	90.130	597.900

Người lập

 Lê Thanh Nghị
 Kế toán trưởng


Người duyệt


 Lê Việt Hà
 Phó Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND'000	2009 VND'000
Doanh thu	01		466.408.909	326.880.256
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu môi giới chứng khoán	01.1		67.645.091	117.060.617
Doanh thu đầu tư chứng khoán	01.2		26.563.497	170.055.388
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		459.852	165.000
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		48.279	392.763
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.141.057	650.909
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		116.402	1.221.392
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	45.000
Doanh thu khác	01.9	21	370.434.731	37.289.187
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		466.408.909	326.880.256
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	22	(350.799.341)	59.520.924
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		115.609.568	386.401.180
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	(80.678.551)	(55.497.487)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.931.017	330.903.693
Thu nhập khác	31		-	166.240
Chi phí khác	32		(75.732)	-
Lợi nhuận trước thuế	50		34.855.285	331.069.933
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	(7.838.775)	(6.618.809)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		27.016.510	324.451.124

Người lập

Lê Thanh Nghị
 Kế toán trưởng

Người duyệt


Lê Việt Hà
 Phó Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn điều lệ	Vốn khác	Quý đầu tư và phát triển	Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quý dự phòng tài chính	Quý khen thưởng và phúc lợi	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	512.400.000	17.243.745	202.033.146	-	20.068.892	-	(270.948.926)	480.796.857
Tăng vốn điều lệ	187.600.000	(16.328.950)	(171.271.050)	-	-	-	324.451.124	324.451.124
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi từ tiền phúc lợi trả lại của nhân viên nghỉ việc trước thời hạn cam kết	-	-	-	-	-	385.471	-	385.471
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(120.343)	-	(120.343)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 - đã báo cáo trước đây	700.000.000	914.795	30.762.096	-	20.068.892	265.128	53.502.198	805.513.109
<i>Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán (thuyết minh 2(c))</i>	-	-	-	-	-	(265.128)	-	(265.128)
<i>Điều chỉnh của năm trước(thuyết minh 28)</i>	-	-	-	2.675.110	2.675.110	-	(5.350.220)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 - đã điều chỉnh lại	700.000.000	914.795	30.762.096	2.675.110	22.744.002	-	48.151.978	805.247.981
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	27.016.510	27.016.510
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.556.381)	(6.556.381)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	1.350.826	1.350.826	-	(2.701.652)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	700.000.000	914.795	30.762.096	4.025.936	24.094.828	-	65.910.455	825.708.110

Người lập

 Lê Thanh Nghị
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	2010 VND'000	2009 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	34.855.285	331.069.933
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	6.751.552	7.723.359
Các khoản dự phòng	03	20.158.658	(345.033.574)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(374.554.905)	(72.922.330)
Chi phí lãi vay	06	292.593.706	22.721.771
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(20.195.704)	(56.440.841)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	451.067.785	(200.528.931)
Biến động chứng khoán thương mại	10	(4.828.734)	1.272.993.063
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	242.258.092	(1.001.901.745)
Biến động các khoản trả trước và ký quỹ	12	(4.202.637)	9.971.370
Tiền lãi vay đã trả	13	(292.593.706)	(32.196.613)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.315.467)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	59.899	-
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh	20	360.249.528	(8.103.697)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(3.094.038)	(13.326.421)
Tiền chi cho các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	23	(121.440.980)	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	24	18.974.421	409.396.090
Lãi tiền gửi và cổ tức đã nhận	27	362.461.061	120.397.342
Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư	30	256.900.464	516.467.011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	2010 VND'000	2009 VND'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	617.149.992	508.363.314
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.075.714.761	567.351.447
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 3)	70	1.692.864.753	1.075.714.761

Người lập

Lê Thanh Nghị
Kế toán trưởng

Người duyệt


Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam và là công ty con được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”). Hoạt động chính của Công ty là hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 229 nhân viên (31/12/2009: 281 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VNĐ’000”), được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC (“Thông tư 162”) hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Trong số các sửa đổi, Thông tư 162 yêu cầu quỹ khen thưởng phúc lợi được ghi nhận như một phần của nợ phải trả thay vì ghi nhận trong vốn chủ sở hữu. Thông tư 162 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, tuy nhiên Công ty áp dụng sớm thay đổi trong chính sách kế toán này và áp dụng hồi tố.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10")
– Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(f) Chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán vốn chưa niêm yết được nắm giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và ban giám đốc Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty và nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và có ý định nắm giữ hơn một năm mặc dù giai đoạn đầu tư thật sự có thể ngắn hơn hoặc dài hơn tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị được đầu tư, cũng như trong các trường hợp khác.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại vào ngày thanh toán.

Công ty ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà công ty hoàn tất việc chuyển nhượng tài sản.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(iii) Đánh giá

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán chưa niêm yết không được tự do mua bán trên thị trường OTC và không thể xác định được giá trị thị trường thì được phản ánh theo giá gốc.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phản ánh theo giá gốc. Các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ ngày mua đến ngày đáo hạn của các chứng khoán này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được xác định bằng cách tham khảo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác như đề cập ở trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và nguyên giá của chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các dòng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(g) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty ủy thác cho bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào các chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản được mua theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh 2(e) và Thuyết minh 2(q) – (ii), (iv) và (v).

Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải 6 năm
- Thiết bị văn phòng 3 năm
- Đồ đạc và trang bị văn phòng 3 - 5 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đồng phục, công cụ dụng cụ và chi phí nâng cấp tài sản thuê. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Vốn điều lệ và vốn khác

Vốn điều lệ và vốn khác được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(p) Các quỹ

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây hàng năm từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Các quỹ này được Ban Giám đốc đề xuất, trình lên Hội đồng thành viên thông qua để Chủ sở hữu của Công ty phê duyệt.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện dựa trên thông báo kết quả khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo kết quả khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với các chứng khoán đã niêm yết và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất đối với các chứng khoán chưa niêm yết.

(iii) Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của dịch vụ cung cấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc thực hiện.

(iv) Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh chủ yếu phản ánh thu nhập lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng và các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán. Doanh thu về vốn kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực sự nhận được tiền.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(r) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng nhận được từ thuê hoạt động, nếu có được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ nhân với hệ số lương tương ứng của từng nhân viên.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Tiền mặt tại quỹ	-	6.125.057
Tiền gửi ngân hàng	435.864.753	704.589.704
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng)	1.257.000.000	365.000.000
	1.692.864.753	1.075.714.761

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm số ngoại tệ khác VNĐ tương đương 449 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 709 triệu VNĐ).

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ'000
a) Của Công ty chứng khoán	7.427.941	615.090.965
Cổ phiếu	1.997.941	43.842.620
Trái phiếu	5.430.000	571.248.345
b) Của nhà đầu tư/ khách hàng	726.573.852	28.460.895.183
Cổ phiếu	607.746.082	17.673.398.453
Trái phiếu	103.388.530	10.648.032.160
Chứng khoán khác	15.439.240	139.464.570
	734.001.793	29.075.986.148

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

5. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các khoản đầu tư được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán VND'000	So sánh với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường VND'000
			Tăng VND'000	Giảm VND'000	
Đầu tư ngắn hạn	516.169	130.829.797	160.975	(3.648.633)	127.342.139
Chứng khoán thương mại (i)	516.169	10.829.797	160.975	(3.648.633)	7.342.139
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm	-	120.000.000	-	-	120.000.000
Đầu tư dài hạn	7.000.108	115.419.427	1.473.203	(32.664.071)	84.228.559
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (ii)	6.996.208	101.905.204	1.473.203	(27.913.396)	75.465.011
Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	700	74.223	-	-	74.223
Đầu tư dài hạn khác (iii)	3.200	13.440.000	-	(4.750.675)	8.689.325
	7.516.277	246.249.224	1.634.178	(36.312.704)	211.570.698

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong năm như sau:

	2010 VND'000	2009 VND'000
Số dư đầu năm	232.973	99.088.908
Tăng dự phòng trong năm	3.415.660	-
Hoàn nhập trong năm	-	(98.855.935)
Số dư cuối năm	3.648.633	232.973

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(ii) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	2010 VND'000	2009 VND'000
Số dư đầu năm	15.517.486	37.333.835
Tăng dự phòng trong năm	12.395.910	-
Hoàn nhập trong năm	-	(21.816.349)
Số dư cuối năm	27.913.396	15.517.486

(iii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2010 VND'000	2009 VND'000
Số dư đầu năm	403.587	-
Tăng dự phòng trong năm	4.347.078	403.587
Số dư cuối năm	4.750.675	403.587

6. Phải thu từ khách hàng

	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000
Hợp đồng mua bán quyền nhận tiền bán chứng khoán với khách hàng (i)	18.807.410	50.811.690
Phải thu khác	45.120	153.535
	18.852.530	50.965.225

(i) Tỷ lệ chiết khấu hợp đồng mua bán quyền nhận tiền bán chứng khoán với khách hàng nằm trong khoảng từ 18% đến 20% một năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Lãi phải thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn	6.514.982	319.000
Lãi phải thu từ trái phiếu	4.248	4.531
Phải thu cổ tức	-	5.095.189
Phải thu liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	109.853.981	130.963.998
Phải thu khác	2.541.596	11.417.068
	<hr/>	<hr/>
	118.914.807	147.799.786
	<hr/>	<hr/>

(i) Chi tiết các tài sản của hợp đồng ủy thác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chứng khoán niêm yết	89.141.293	128.107.874
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.704.669	2.655.310
Lãi phải thu	15.232	-
Phải thu khác	-	211.009
<i>Trừ đi</i>		
Phí phải trả	(7.213)	(10.195)
	<hr/>	<hr/>
	109.853.981	130.963.998
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Tiền thuê văn phòng trả trước	2.147.198	1.837.195
Các chi phí trả trước khác	931.157	639.871
	<u>3.078.355</u>	<u>2.477.066</u>

9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	5.294.914	1.818.222
	<u>5.294.914</u>	<u>1.818.222</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Đồ đạc và trang bị văn phòng VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.540.060	27.645.000	160.187	32.345.247
Tăng trong năm	-	2.891.658	202.380	3.094.038
Xóa sổ	-	(9.945)	-	(9.945)
Số dư cuối năm	<u>4.540.060</u>	<u>30.526.713</u>	<u>362.567</u>	<u>35.429.340</u>
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	2.761.034	18.454.971	133.709	21.349.714
Khấu hao trong năm	565.704	5.510.500	41.297	6.117.501
Xóa sổ	-	(8.800)	-	(8.800)
Số dư cuối năm	<u>3.326.738</u>	<u>23.956.671</u>	<u>175.006</u>	<u>27.458.415</u>
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.779.026	9.190.029	26.478	10.995.533
Số dư cuối năm	<u>1.213.322</u>	<u>6.570.042</u>	<u>187.561</u>	<u>7.970.925</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ'000
Nguyên giá	2.173.140
Số dư đầu năm/cuối năm	<u> </u>
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	940.574
Phân bổ trong năm	634.051
	<u> </u>
Số dư cuối năm	<u>1.574.625</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.232.566
Số dư cuối năm	<u>598.515</u>

12. Chi phí trả trước dài hạn

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Số dư đầu năm	10.410	4.449.135
Tăng trong năm	2.158.176	35.393
Phân bổ trong năm	(500.434)	(4.474.118)
	<u> </u>	<u> </u>
Số dư cuối năm	<u>1.668.152</u>	<u>10.410</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

13. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo các Quyết định 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2010 VND'000	2009 VND'000
Số dư đầu năm	12.180.097	8.605.770
Tăng trong năm	1.655.257	3.574.327
Số dư cuối năm	13.835.354	12.180.097

14. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác chủ yếu bao gồm tiền đặt cọc thuê văn phòng.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	867.970	10.287
Thuế thu nhập cá nhân	1.764.318	310.689
	2.632.288	320.976

16. Phải trả cho các hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000
Phải trả cho các Sở Giao dịch Chứng khoán	597.023	916.122
Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	353.592	111.127
	950.615	1.027.249

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

17. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu chủ yếu liên quan đến phải trả hộ cổ tức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho các cổ đông do Công ty là đơn vị quản lý sổ cổ đông trước khi cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được niêm yết.

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Phải trả về thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	406.382.734	677.784.865
Đặt cọc từ tổ chức tín dụng cho các hợp đồng môi giới chứng khoán (i)	800.000.000	300.000.000
Các khoản phải trả liên quan đến kinh phí công đoàn và bảo hiểm	811.232	425.442
Phải trả khác	990.452	759.102
	1.208.184.418	978.969.409

- (i) Đặt cọc từ tổ chức tín dụng cho các hợp đồng môi giới chứng khoán phản ánh các hợp đồng mà Công ty là bên môi giới mua các chứng khoán theo yêu cầu của tổ chức tín dụng. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được các loại chứng khoán này trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải trả cho tổ chức tín dụng khoản tiền lãi với các mức lãi suất được quy định trong hợp đồng.

19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Số dư đầu năm	371.473	289.208
Dự phòng trích lập trong năm	127.489	98.851
Dự phòng sử dụng trong năm	(30.400)	(16.586)
	468.562	371.473

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

20. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
 ("Vietcombank")

Được duyệt và đã góp	
VND'000	%
700.000.000	100%

21. Doanh thu khác

	2010	2009
	VND'000	VND'000
Thu nhập tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng	359.178.578	24.640.236
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay	-	512.292
Thu nhập tiền lãi từ các hợp đồng mua bán lại	1.791.147	3.977.856
Chênh lệch giữa giá trị bán và giá bán quyền của hợp đồng mua bán quyền nhận tiền bán chứng khoán	7.687.035	8.158.589
Các khoản thu nhập khác	1.777.971	214
	370.434.731	37.289.187

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

22. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2010 VND'000	2009 VND'000
Chi phí môi giới chứng khoán	13.016.253	22.603.204
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán thương mại	3.415.660	(98.855.936)
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	16.742.998	(21.412.762)
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư	-	(43.067.570)
Chi phí lưu ký chứng khoán	2.522.271	1.243.634
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	230.368	3.938
Chi phí tư vấn	-	12.816
Chi phí nhân sự trực tiếp	13.116.821	9.366.817
Chi phí công cụ và dụng cụ	24.184	61.220
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	771.521	1.547.398
Chi phí lỗ kinh doanh chứng khoán liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư	8.365.559	45.545.870
Chi phí lãi vay	292.593.706	22.721.771
Chi phí khác	-	708.676
	350.799.341	(59.520.924)

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010 VND'000	2009 VND'000
Chi phí nhân viên	35.589.836	18.866.637
Chi phí thuê văn phòng	977.514	1.967.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.723.685	22.329.945
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	5.980.031	6.175.961
Thuế và lệ phí	950.322	602.434
Chi phí khác	10.457.163	5.554.908
	80.678.551	55.497.487

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

24. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	7.517.577	6.618.809
Năm hiện hành	321.198	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước		
	7.838.775	6.618.809

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế	34.855.285	331.069.933
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.971.057	66.213.987
Ưu đãi thuế	-	(2.836.633)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	1.503.516	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	15.146	116.675
Thu nhập không bị tính thuế	(972.142)	(2.685.434)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(54.189.786)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	321.198	-
	7.838.775	6.618.809

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% từ năm 2005 đến 2006, 20% từ năm 2007 đến 2012 và 25% cho các năm tiếp theo. Tất cả các ưu đãi thuế này sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác và các khoản thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất là 25%.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Ngân hàng TMCP Ngoại thông Việt Nam				
Tiền gửi ngân hàng	108.612.626.900	11.640.300.000	406.735.129	942.995.054
Hợp đồng mua bán lại chứng khoán	60.041.080	381.749.820	-	381.749.820
Hợp đồng môi giới chứng khoán	22.750.000.000	90.000.000	800.000.000	300.000.000
Chi phí lãi cho hợp đồng môi giới chứng khoán	291.751.249	22.706.427	972.222	300.000
Thu nhập tiền lãi từ hợp đồng mua bán lại	1.791.147	3.977.856	-	2.221.730
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198				
Chi phí thuê văn phòng	8.802.629	7.667.658	-	-
Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank				
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	109.853.981	130.963.998
Phí quản lý	379.054	4.467	-	4.467

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

26. Biến động các khoản phải thu

Loại hình	Số đầu năm VNĐ'000	Tăng VNĐ'000	Giảm VNĐ'000	Số cuối năm VNĐ'000
Phải thu khách hàng	50.965.225	4.108.442.100	(4.140.554.795)	18.852.530
Trả trước cho người bán	490.698	2.129.751	(2.082.180)	538.269
Phải thu khác	147.799.786	912.805.081	(941.690.060)	118.914.807
	199.255.709	5.023.376.932	(5.084.327.035)	138.305.606

27. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Trong vòng một năm	3.078.355	2.477.066

28. Điều chỉnh sai sót của năm trước

Công ty đã không trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Ảnh hưởng của các điều chỉnh này đối với bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	31/12/2009 (điều chỉnh lại) VNĐ'000	Điều chỉnh VNĐ'000	31/12/2009 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000
Bảng cân đối kế toán			
▪ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.675.110	2.675.110	-
▪ Quỹ dự phòng tài chính	22.744.002	2.675.110	20.068.892
▪ Lợi nhuận chưa phân phối	48.151.978	(5.350.220)	53.502.198

Người lập
Lê Thanh Nghị
Kế toán trưởng

Người duyệt
Lê Việt Hà
Phó Giám đốc